

Tuần 11:

1. Việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930 là một sự kiện quan trọng trong lịch sử, đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội công bằng tại Việt Nam. Sự kiện này chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Cách mạng Tháng Mười Nga và sự hình thành của Quốc tế Cộng sản, tạo nền tảng cho sự phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin toàn cầu, đặc biệt ở Việt Nam.

Trong bối cảnh thuộc địa Pháp, Việt Nam trải qua nhiều biến động lớn về chính trị, kinh tế và văn hóa. Chính sách áp bức và bóc lột của thực dân tạo ra mâu thuẫn sâu sắc trong xã hội, đặc biệt giữa nhân dân và thực dân Pháp cũng như chế độ phong kiến. Sự phân hóa xã hội tạo nên các giai cấp mới như công nhân và tiểu tư sản, cùng với cuộc đấu tranh của nông dân và địa chủ, trở thành lực lượng quan trọng trong cách mạng.

Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và chuẩn bị cho việc thành lập Đảng. Ông sáng lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, tổ chức đào tạo cán bộ, góp phần quan trọng vào việc hình thành Đảng. Sự cần thiết về tổ chức chính trị vững mạnh và thống nhất rõ ràng qua các sự kiện và phong trào cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời thông qua việc hợp nhất các tổ chức cộng sản, là bước ngoặt quan trọng hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội công bằng, phản ánh nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Từ ngày 06-01 đến 07-02-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản diễn ra tại Hương Cảng, Trung Quốc dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị nhất trí thành lập một đảng thống nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua chính cương, sách lược, chương trình và điều lệ văn tắt của Đảng. Sự hợp nhất của các tổ chức cộng sản có tầm quan trọng lịch sử như một Đại hội thành lập Đảng. Đảng ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và yêu nước, là sản phẩm của sự lựa chọn lịch sử và quá trình chuẩn bị đầy đủ về chính trị, tư tưởng, và tổ chức của các chiến sĩ cách mạng, dẫn đầu bởi Nguyễn Ái Quốc.

2. Quyết định kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội trong cách mạng Việt Nam không chỉ xuất phát từ bối cảnh lịch sử đặc biệt của quốc gia, mà còn là sự phản ánh của tư tưởng sâu sắc của Hồ Chí Minh. Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam giữa thế kỷ XIX, triều đình Nhà Nguyễn không thể chống lại mối đe dọa, dẫn đến việc đầu hàng và mất độc lập. Dù nhân dân Việt Nam có tình yêu nước mãnh liệt, nhưng vì thiếu hướng dẫn chiến đấu chính xác, các nỗ lực kháng chiến như của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Phan Đình Phùng đều tiêu biến.

Vào đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước chuyển từ hình thức dân chủ tư sản, nhưng vẫn chưa đạt được chiến thắng cuối cùng. Hồ Chí Minh, trong quá trình tìm kiếm con đường cứu nước,

nhận ra rằng chủ nghĩa phong kiến và tư bản đều không phải là lựa chọn phù hợp cho giải phóng và phát triển của Việt Nam. Cách mạng tư sản như ở Mỹ hay Pháp, mặc dù đạt được một số thành tựu, nhưng không mang lại tự do và bình đẳng thực sự cho toàn bộ nhân dân, và càng không giải phóng nhân dân khỏi ách thống trị của đế quốc.

Câu trả lời cho cách mạng Việt Nam nằm trong thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Cách mạng này không chỉ giải phóng vô sản mà còn hỗ trợ tích cực cho các phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Điều này đã thuyết phục Hồ Chí Minh rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể giải phóng dân tộc Việt Nam một cách toàn diện và mang lại tự do, bình đẳng thực sự cho nhân dân.

Ngay từ những ngày đầu tiên của việc thành lập, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã rõ ràng xác định mục tiêu của cách mạng là độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội. Sự chọn lựa này không chỉ phản ánh tư tưởng sáng tạo và phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, mà còn đồng thời đáp ứng xu thế phát triển của thời đại, được mở rộng từ Cách mạng Tháng Mười Nga. Đây chính là hướng đi chính xác, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của dân tộc và nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến giành lại độc lập và xây dựng một xã hội công bằng, tiến bộ.

3. Luận cương chính trị năm 1930 của Đảng Cộng sản Việt Nam đem lại một loạt những ưu điểm đáng kể trong việc xác định hướng đi cho cách mạng Việt Nam. Trước hết và quan trọng nhất, văn kiện này nhấn mạnh một cách chính xác vai trò lãnh đạo của Đảng trong cách mạng, tạo nền tảng vững chắc cho sự lãnh đạo tập trung và quả quyết. Tiếp theo, Luận cương tôn trọng vai trò của lực lượng công nhân và nông dân, nhận biết họ là những chủ thể chính trong cuộc đấu tranh cách mạng. Điều này không chỉ phản ánh sự hiểu biết sâu sắc về cơ cấu xã hội Việt Nam mà còn tạo điều kiện cho việc tập hợp và đoàn kết sức mạnh từ những tầng lớp này. Ngoài ra, Luận cương thể hiện sự áp dụng sáng tạo và linh hoạt các nguyên tắc Mác-Lênin, phản ánh khả năng thích ứng với điều kiện cụ thể của Việt Nam và Đông Dương, giúp định hình một lộ trình cách mạng thực tế và phù hợp.

Mặc dù mang lại nhiều ưu điểm, Luận cương chính trị cũng có một số hạn chế cần được khắc phục. Trước hết, tài liệu này không đặt đủ nhấn mạnh vào mâu thuẫn chính giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp, khiến cho việc xác định mục tiêu cụ thể của cách mạng trở nên mơ hồ. Mặt khác, sự thiếu sót trong việc xây dựng chiến lược liên minh với các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là tầng lớp trung gian, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, đã giảm khả năng huy động mọi nguồn lực cho cuộc cách mạng. Ngoài ra, việc đánh giá không chính xác về vai trò và khả năng của các tầng lớp khác trong xã hội cũng là một điểm yếu, làm mất đi cơ hội tận dụng sức mạnh tiềm năng từ những nhóm này. Cuối cùng, việc không thừa nhận các quan điểm đúng đắn trong "Chính cương và sách lược vắn tắt" đã tạo ra một số mơ hồ và thiếu độ tin cậy trong hướng dẫn cách mạng.

Quá trình phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam đã trải qua những bước cải tiến quan trọng, trong đó việc ban hành Cương lĩnh chính trị đầu tiên tại Hội nghị thành lập là một cột mốc quan trọng. Cương lĩnh này không chỉ xác định mục tiêu và hướng đi cho phong trào giải phóng dân tộc mà còn khẳng định tinh thần đoàn kết trong Đảng. Tuy nhiên, sự không thừa nhận từ phía Quốc tế Cộng sản

tạo ra những thách thức mà Đảng phải vượt qua, buộc họ phải tự tìm kiếm con đường riêng cho cách mạng Việt Nam. Mặc dù Cương lĩnh đầu tiên đã đưa ra những hướng đi chính xác, nhưng quá trình thực hiện lại đối mặt với nhiều vấn đề cần điều chỉnh và bổ sung để phản ánh đúng thực tế và học kinh nghiệm từ quá khứ.

Luận cương chính trị không chỉ là sự điều chỉnh mà còn là sự phát triển của tư tưởng từ Cương lĩnh đầu tiên. Dựa trên kinh nghiệm và bài học từ quá khứ, Luận cương chính trị đã phản ánh rõ tình hình Việt Nam và giúp Đảng xác định lối đi chính xác hơn trong con đường cách mạng. Mặc dù Đảng phải đối mặt với hiểu lầm từ phía Quốc tế Cộng sản, tinh thần tự phê phán và sửa sai giúp họ nhanh chóng khắc phục và điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với thực tế.

Hội nghị 11/1939 đã đóng vai trò quan trọng trong việc xác định nhiệm vụ cách mạng và tập hợp lực lượng giải quyết vấn đề dân tộc. So sánh với Hội nghị 10/1930, Đảng đã có những bước tiến quan trọng, thể hiện sự nhận thức sâu sắc và chính sách cụ thể hơn về hình thành lối đi cách mạng. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 11/1940 đã tiếp tục phát triển và củng cố quyết định từ Hội nghị 11/1939, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của đoàn kết và tập hợp các lực lượng trong nước. Việc đặt ra chủ trương và hướng dẫn về vấn đề ruộng đất cũng thể hiện sự nhận thức sâu sắc về tình hình thực tế và mong muốn của nhân dân.

Hội nghị cán bộ Trung ương tháng 11/1940 đã làm rõ quan điểm về việc tiến hành cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa, đồng thời đặt ra thách thức đưa ra và thực hiện chủ trương một cách quả quyết hơn. Đối mặt với những thách thức này, Đảng cần phải tăng cường công tác tuyên truyền và thu hút sự ủng hộ từ mọi tầng lớp nhân dân Đông Dương. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 6/1941 tiếp tục phát triển và xây dựng trên những quyết định trước đó, nhấn mạnh việc kết hợp mục tiêu giải phóng dân tộc với bảo vệ quyền lợi của nông dân. Tuy nhiên, Đảng cần tiếp tục nỗ lực để đảm bảo thực hiện các chủ trương một cách đồng đều và hiệu quả, đồng thời giữ vững sự ủng hộ từ mọi tầng lớp nhân dân.

4. Quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp vào ngày 19/12/1946 và quyết định sử dụng bạo lực cách mạng trong xung đột với Mỹ vào năm 1959 của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là những sự kiện lịch sử quan trọng mà còn mang giá trị vô cùng to lớn đối với nỗ lực bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc hiện nay. Những quyết định này rõ ràng thể hiện ý chí và quyết tâm mạnh mẽ của Đảng và nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh để giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Đồng thời, chúng cung cấp những bài học quý báu về tinh thần đoàn kết, kiên cường và lòng yêu nước trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Các cuộc kháng chiến này là minh chứng cho khả năng của Đảng trong việc xây dựng chiến lược linh hoạt và hiệu quả, phù hợp với từng giai đoạn cụ thể của cuộc đấu tranh. Sự linh hoạt trong chiến lược cũng là yếu tố quan trọng trong việc đối mặt với các thách thức liên quan đến chủ quyền biển, đảo hiện nay, đặc biệt là khi cần phải cân nhắc kỹ lưỡng giữa việc duy trì hòa bình và quyết đoán bảo vệ chủ quyền.

Đồng thời, cả hai cuộc kháng chiến còn thể hiện khả năng tập hợp lực lượng đông đảo từ trong nước và sự hỗ trợ quốc tế, làm nổi bật tầm quan trọng của việc xây dựng một mạng lưới hỗ trợ đa dạng và rộng lớn, cả trong và ngoài nước, trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Ngoài ra, những cuộc kháng chiến của Việt Nam còn là bài học về sự kiên trì và sự khôn ngoan trong đấu tranh, cả về mặt quân sự và ngoại giao. Bài học về sự kiên nhẫn, bền bỉ, cùng với sự khéo léo trong ngoại giao, là yếu tố quan trọng để đảm bảo chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh quốc tế ngày nay. Những kinh nghiệm rút ra từ lịch sử kháng chiến của Việt Nam chứng tỏ rằng, dù là một quốc gia nhỏ bé, nhưng với ý chí mạnh mẽ và lòng đoàn kết, có thể đối đầu và đạt chiến thắng trước những thách thức lớn, truyền đi thông điệp mạnh mẽ và rõ ràng về việc bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.

Tuần 12:

1. Đại hội IV của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1976 đánh dấu một bước quan trọng trong việc định hình chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước sau thống nhất. Sự kiện này đã đặt nền móng cho sự phát triển của công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng, nhằm tạo ra cơ sở vững chắc cho sự tiến bộ kinh tế. Ngoài ra, Đảng cũng nhấn mạnh vào việc phát triển nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực và tạo điều kiện cho sự phát triển của công nghiệp. Mục tiêu của Đảng không chỉ dừng lại ở việc tăng cường quốc phòng và an ninh để bảo vệ thành công của cuộc kháng chiến, mà còn nhấn mạnh việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Đại hội V vào năm 1982 tiếp tục nhấn mạnh mục tiêu xây dựng một xã hội XHCN, đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế-xã hội. Chủ trương tập trung phát triển nông nghiệp được coi là chiến lược chính, giúp giải quyết vấn đề an ninh lương thực và làm cơ sở cho sự phát triển của công nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh doanh và thị trường, Đảng đã đối mặt với nhiều khó khăn. Sự chuyển đổi này yêu cầu điều chỉnh lớn trong cơ cấu kinh tế và quản lý, tạo ra những thách thức trong cuộc đua phát triển kinh tế. Chuyển từ một nền kinh tế hai thành phần sang nhiều thành phần đòi hỏi điều chỉnh chính sách và quản lý, tạo ra thách thức mới trong lĩnh vực chính trị. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt và khả năng thích ứng với các tình huống phức tạp.

Trong bối cảnh thay đổi của trật tự thế giới, việc duy trì và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới trở nên quan trọng. Đồng thời, tăng cường quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế trở nên cần thiết, đặc biệt là để xây dựng một môi trường hòa bình và ổn định. Tuy nhiên, việc thực hiện chủ trương này cũng đối mặt với một số hạn chế, đặc biệt là trong việc xác định và thực hiện chiến lược đối ngoại phù hợp.

2. Từ năm 1986 đến năm 2021, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành những bước đổi mới quan trọng trong việc chỉ đạo phát triển kinh tế, đánh dấu sự chuyển đổi từ một hệ thống kinh tế tập trung quan liêu sang một mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quá trình đổi mới bắt đầu từ Đại hội VI năm 1986, nơi Đảng đặt nền móng cho một quá trình đổi mới toàn diện. Đại hội này đặc biệt nhấn mạnh sự chuyển từ cơ chế kinh tế tập trung và quan liêu sang hạch toán kinh doanh và thị trường. Việc mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, khuyến khích đầu

tư nước ngoài và phát triển kinh tế tư nhân là điểm độc đáo trong giai đoạn này, phản ánh sự biến đổi lớn trong tư duy kinh tế của Đảng.

Trong giai đoạn tiếp theo, Đảng tập trung vào việc đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, với sự phát triển của nhiều thành phần khác nhau. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, trong khi kinh tế tư nhân và hợp tác xã được khuyến khích phát triển. Điều này đánh dấu sự chuyển biến quan trọng từ một nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang một cơ cấu kinh tế đa ngành, đa thành phần. Quản lý kinh tế cũng được cải thiện đáng kể, từ việc xây dựng hệ thống quản lý kinh tế từ trung ương đến địa phương, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước. Việc chuyển đổi sang mô hình quản lý kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp với sự tập trung vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đã mở ra cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

Tuy nhiên, quá trình đổi mới cũng đối mặt với những hạn chế. Trong lĩnh vực kinh tế, chuyển đổi từ cơ chế quản lý tập trung sang hạch toán kinh doanh và thị trường gặp khó khăn trong việc áp dụng biện pháp cấp bách phù hợp với thực tế. Sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế và quản lý đòi hỏi sự điều chỉnh lớn, gây ra thách thức trong việc duy trì ổn định kinh tế và phát triển bền vững.

Trong lĩnh vực chính trị, việc cải tạo hệ thống chính trị để đáp ứng nhu cầu của một nền kinh tế đa thành phần là một thách thức. Văn hóa và đối ngoại cũng phải đổi mới để thích ứng với sự thay đổi của trật tự thế giới và việc xây dựng quan hệ hợp tác quốc tế có lợi.

3. Giai đoạn từ 1986 đến đầu thế kỷ 21 đánh dấu những nỗ lực đặc biệt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong giai đoạn này, Đảng đã nhận thức và đổi mới với những thách thức lớn như suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một số cán bộ và đảng viên, cùng với vấn đề quan liêu, tham nhũng, và lãng phí. Để giải quyết những thách thức này, Đảng đã tập trung vào nâng cao chất lượng và hiệu quả trong giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, đồng thời giải quyết các vấn đề xã hội để thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội.

Giai đoạn từ đầu thế kỷ 21 đến năm 2015, Đảng tiếp tục phát triển các lĩnh vực văn hóa-xã hội, với sự tập trung vào văn hóa, con người, giáo dục-đào tạo, khoa học và công nghệ, cũng như bảo vệ môi trường và chính sách xã hội. Ngoài ra, Đảng xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ trong quốc phòng, an ninh, và kết hợp quốc phòng với an ninh và kinh tế, đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong việc đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển nhanh và bền vững.

Giai đoạn từ 2011 đến 2021, Đảng tiếp tục duy trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển. Đồng thời, Đảng tăng cường đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, xác định vị thế của Việt Nam là một đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Trong toàn bộ hành trình này, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng nỗ lực đổi mới và phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, nhằm thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội, cũng như

củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại. Những chủ trương này đóng góp quan trọng vào việc hình thành nền tảng vững chắc cho văn hóa và xã hội Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển toàn cầu.

4. Việc đảm bảo quốc phòng và an ninh luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại từ năm 1986 đến 2021. Mục tiêu của Việt Nam trong giai đoạn này không chỉ là xây dựng năng lực quốc phòng và an ninh mạnh mẽ mà còn là phát triển chiến lược phòng thủ hiện đại, đáp ứng linh hoạt với biến động của tình hình thế giới và khu vực. Sự tăng cường này là cơ sở để bảo vệ vững chắc Tổ quốc và đảm bảo an toàn cho đất nước.

Trong giai đoạn 1986-2021, Việt Nam đã tích cực mở rộng quan hệ đối ngoại với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế. Điều này bao gồm việc xây dựng và củng cố quan hệ ngoại giao, thúc đẩy hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Sự chủ động trong việc mở rộng quan hệ đối ngoại đã giúp Việt Nam tăng cường ảnh hưởng và vị thế quốc tế, đồng thời mở ra cơ hội mới cho phát triển kinh tế và xã hội.

Việt Nam đã tự chủ hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu trong giai đoạn này thông qua việc tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế, ký kết các hiệp định thương mại tự do và tham gia vào các diễn đàn kinh tế quốc tế và khu vực. Quá trình hội nhập này không chỉ mang lại cơ hội cho sự phát triển kinh tế mà còn giúp nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Việt Nam tích cực tham gia vào các sáng kiến hợp tác khu vực và quốc tế như ASEAN, APEC, và các cơ chế đa phương khác. Điều này thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc xây dựng một cộng đồng quốc tế hòa bình, ổn định và thịnh vượng. Việc tham gia này không chỉ giúp củng cố quan hệ đối ngoại mà còn góp phần vào việc định hình chính sách đối ngoại phù hợp với biến động của thế giới và khu vực.

Những nỗ lực này của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện sự thích ứng linh hoạt và đổi mới trong chính sách đối ngoại, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của Việt Nam trên trường quốc tế.

5. Từ Đại hội VI năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành một cuộc đổi mới toàn diện nhằm xây dựng và củng cố Đảng. Trọng tâm của quá trình này là khẳng định vai trò của Đảng như một yếu tố quyết định mọi thành công của cách mạng. Mục tiêu chính là xây dựng một Đảng mạnh mẽ, từ chính trị, tư tưởng đến tổ chức và đạo đức. Cải cách tổ chức Đảng, hướng tới sự tinh gọn và hiệu quả, cùng với quy trình bổ nhiệm và bầu cử cán bộ theo hướng dân chủ hóa, đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng một Đảng đáng tin cậy và vững mạnh.

Đồng thời, quá trình xây dựng Nhà nước cũng diễn ra mạnh mẽ và quyết liệt. Nhà nước được định rõ như lực lượng lãnh đạo, quản lý xã hội, với mục tiêu xây dựng một Nhà nước dân chủ, nhân dân quản lý và vì nhân dân. Cải cách cơ cấu tổ chức Nhà nước tập trung vào sự tinh gọn và tăng cường hiệu quả, cùng với việc dân chủ hóa quy trình ban hành pháp luật, đã giúp tạo ra một hệ thống quản lý xã hội minh bạch và công bằng hơn.

Bên cạnh việc xây dựng Đảng và Nhà nước, sự chú ý cũng được đặt vào việc phát triển các tổ chức chính trị-xã hội. Những tổ chức này được xác định là lực lượng cốt lõi trong hệ thống chính trị, với mục tiêu phát huy tác động tích cực trong đời sống xã hội và thu hút sự tham gia rộng rãi của nhân dân. Sự đổi mới trong cơ cấu tổ chức và quy trình hoạt động của chúng, hướng tới sự tinh gọn và hiệu quả, đã góp phần tăng cường vai trò và ảnh hưởng trong xã hội.

Quá trình đổi mới từ năm 1986 đến nay đã mang lại những thành tựu đáng kể. Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng được củng cố và trở nên mạnh mẽ hơn ở mọi khía cạnh. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng hoàn thiện, trong khi các tổ chức chính trị-xã hội đã hiệu quả hóa vai trò của mình trong xã hội. Sự đổi mới trong hệ thống chính trị đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo và chiến đấu của Đảng, hiệu quả của Nhà nước, cũng như vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội trong xã hội Việt Nam hiện đại.